

Bản án số: 13/2021/HS-PT

Ngày 29 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh

Bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 139/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Đặng Văn T do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Đặng Văn T, sinh ngày 14 tháng 02 năm 1965; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: S; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị H; có vợ là Lưu Thị L và có 06 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1976; Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1979 và ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1988 - Là Luật sư Công ty Luật TNHH R Tộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng X, tầng X, Tòa Vimeco, Lô E9, P, C, Hà Nội “ông A có mặt, ông T và ông L vắng mặt”.

- Bị hại: Bà Chu Thị C, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Vũ Văn D, Luật sư Công ty Luật TNHH D và cộng sự Tộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; Địa

chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

- Người giám định: Ông Nguyễn Anh T, chức danh: Giám định viên của Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

- Người làm chứng:

+ Bà Lâm Thị N, sinh năm 1977 “vắng mặt”;

+ Anh Dương Văn B, sinh năm 1990 “vắng mặt”;

+ Anh Mai Thanh T, sinh năm 1985 “vắng mặt” ;

+ Ông Từ Văn S “vắng mặt”;

+ Ông Khổng Minh M “vắng mặt”;

+ Ông Đàm Xuân T “vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn T ở thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc là hàng xóm với bà Chu Thị C, không có mâu thuẫn gì với nhau. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/02/2020, T một mình từ nhà T đi sang nhà bà C gọi bà C, lúc này bà C đang ngủ trong nhà dậy mở cửa gặp T tại cổng nhà bà C, sau đó bà C mở cánh cổng vào phía bên trong, bà C đứng ở giữa cổng, còn T đứng ở bên ngoài cổng cạnh các kiêu gạch chỉ nung của nhà bà C đang xếp ở đó. Lúc này T hỏi: “*Có kẻ trộm vào nhà cô không?*” thì bà C nói: “*Anh nói láo*”, dẫn đến hai bên lời qua, tiếng lại với nhau nên T bực tức rồi T nhặt một số viên gạch chỉ xếp trên kiêu gạch của nhà bà C ném về phía bà C đang đứng, thấy vậy thì bà C hai tay dơ lên ôm đầu để không bị ném vào đầu và di chuyển để tránh, T tiếp tục lấy gạch chỉ nung ném liên tiếp 02 phút nữa về phía bà C đứng, sau đó bà C thấy đau nhức ở vùng đầu bên trái và mu bàn tay trái nên chạy vào nhà và gọi điện báo Công an xã đến giải quyết, còn T đi về nhà mình.

Hậu quả: Bà C bị Sung nề vùng cằm trái, thái dương trái kích thước (10 x 4)cm. Sung nề, tím, xây sát da vùng tay trái, gãy dập xương bàn 2 tay trái, ổ khuyết xương nguyệt tay trái phải điều trị tại bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên từ ngày 01/3/2020 đến ngày 05/3/2020 thì ra viện.

Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã T đã đến nhà bà Chu Thị C xác minh, lập biên bản sự việc báo cáo Công an huyện B. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh hiện trường, phát hiện tại mặt ngoài cánh cửa cổng bên phải theo hướng từ ngoài đi vào có dấu vết gạch ném bám dính tạp chất màu vàng, đỏ (màu gạch) trên diện (2 x 3) cm, song kim loại bị lún 0,2cm. Tâm vị trí này cách mép cửa cổng bên phải là 80m, cách mép dưới cửa cổng là 1,53m. Tại song kim

loại cánh cửa bên trái phát hiện có 02 dấu vết gạch ném, bám dính tạp chất màu nâu đỏ, vết thứ nhất kích thước (3 x 3) cm, cách mép cửa trái là 74cm, cách mép cửa dưới là 1,14m; vết thứ 2 trên diện (3 x 2) cm, song kim loại lún 0,2cm, tâm vết cách mép cửa trái là 01m, cách mép dưới cửa là 1,36m. Cơ quan điều tra đã T giữ tại vị trí gần trụ cổng phía trong bên phải (theo hướng từ ngoài vào): 01 viên gạch chỉ nung kích thước (20 x 10 x 5) cm; 01 phần viên gạch kích thước dài 20cm, chỗ rộng nhất 6cm, chỗ hẹp nhất 4cm, dày 5cm, bám dính rêu mốc tối màu; 01 phần viên gạch kích thước dài nhất 14cm, rộng nhất 5cm, dày 5cm bám dính rêu mốc tối màu; 01 mẫu gạch vỡ kích thước (10 x 5 x 5) cm, vỡ nham nhỏ; 01 mẫu gạch vỡ kích thước (8 x 6 x 5) cm, vỡ nham nhỏ.

Kết quả giám định thương tích:

- Ngày 26/3/2020, Cơ quan điều tra trung cầu Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định thương tích đối với bà Chu Thị C. Tại Kết luận giám định số 130 ngày 27/3/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Hình ảnh gãy rạn nền xương bàn 2 bàn tay trái, phạm khớp cổ tay trái, xếp: 08%.

+ Vết thương sước da Ch giữa mặt mu bàn tay trái, miệng đóng vảy tiết, xếp: 01%.

+ Chẩn đoán: Theo dõi chấn thương sọ não (giảm hoạt động điện não - Theo dõi thiếu năng tuần hoàn não). Không có trong danh mục xếp tỷ lệ % thương tích.

+ Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích đã mô tả là do vật tày có cạnh gây nên.

+ Nạn nhân đang điều trị, khi nào điều trị ổn định, giám định bổ sung.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 09%.

- Ngày 17/4/2020, Cơ quan điều tra trung cầu Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định bổ sung về thương tích đối với bà Chu Thị C. Tại Kết luận giám định số 164 ngày 20/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Hình ảnh gãy rạn nền xương bàn 2 bàn tay trái, phạm khớp cổ tay trái, xếp: 08%.

+ Ổ khuyết xương nguyệt (xương tằm cổ tay) tay trái, xếp: 05%.

+ Sẹo vết thương phần mềm mu bàn tay trái, xếp: 01%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 13%.

Quá trình điều tra, bà Chu Thị C khai nhận Đặng Văn T đã dùng gạch chỉ nung đánh gây thương tích cho bà nhưng Đặng Văn T không thừa nhận việc dùng gạch đánh gây thương tích cho bà Chu Thị C mà chỉ thừa nhận có hành vi dụ, đẩy bà C ngã vào các kiềng gạch cạnh cổng nhà bà C dẫn đến việc bà C bị thương tích. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả điều tra, xác minh hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định thương tích, kết quả thực nghiệm điều tra, đối chất, lời khai của bị hại, người làm chứng, người liên quan thì đã có đủ cơ sở xác định việc T cầm gạch chỉ nung ném bà C gây thương tích.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Chu Thị C yêu cầu Đặng Văn T phải bồi thường số tiền 54.600.000 đồng, bao gồm: tiền chi phí điều trị, tiền viện phí là 5.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng; tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 13.500.000 đồng; tiền mất thu nhập trong quá trình bị thương tích là 45 ngày x 300.000 đồng/ ngày = 13.500.000 đồng; tiền mất thu nhập của người chăm sóc khi nằm viện là 05 ngày x 300.000 đồng/ 1 ngày = 1.500.000 đồng; tiền Tê xe taxi đi cấp cứu, đi khám lại tại bệnh viện là 04 lượt x 275.000 đồng/ 1 lượt = 1.100.000 đồng. Quá trình điều tra, Đặng Văn T đã bồi thường cho bà C số tiền 8.000.000 đồng (gồm 5.000.000 đồng tiền viện phí và 3.000.000 đồng tiền bồi dưỡng sức khỏe), còn lại số tiền 46.600.000 đồng bà C yêu cầu T tiếp tục phải bồi thường nhưng T không đồng ý bồi thường và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 2 (Hai) năm 3 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa Tận về việc bồi thường thiệt hại dân sự giữa bị cáo Đặng Văn T và bị hại Chu Thị C với tổng số tiền là 54.600.000 đồng (Năm Mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận bị cáo đã trực tiếp bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); ngày 17/9/2020 bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 30.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bồi thường cho bị hại. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 16.600.000 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Bị hại bà Chu Thị C được quyền nhận số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002033 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền đề nghị thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2020, bị cáo Đặng Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị hại bà Chu Thị C có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Bị hại đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo nhưng không rút đơn kháng cáo và xác nhận đã nhận của bị cáo số tiền bồi thường còn lại là 16.600.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T và bị hại bà Chu Thị C trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/02/2020, tại khu vực cổng nhà bà Chu Thị C ở thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Đặng Văn T là hàng xóm với bà C, T và bà C không có mâu thuẫn gì, nhưng chỉ vì bức tức mà T đã có hành vi dùng gạch chỉ nung gây thương tích cho bà C làm bà C bị tổn hại sức khỏe là 13%.

Quá trình điều tra bị cáo T chỉ thừa nhận có hành vi du, đẩy bà C ngã vào các kiêu gạch cạnh cổng nhà bà C dẫn đến việc bà C bị thương tích. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận do uống rượu say nên đã tự ý sang nhà bà C và gây thương tích cho bị hại bằng hành vi dùng gạch đánh vào tay bị hại.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh hiện trường, phát hiện tại mặt ngoài cánh cửa cổng bên phải theo hướng từ ngoài đi vào có dấu vết gạch ném bám dính tạp chất màu vàng, đỏ (màu gạch) trên diện (2 x 3) cm, song kim loại bị lún 0,2cm. Tâm vị trí này cách mép cửa cổng bên phải là 80m, cách mép dưới cửa cổng cổng là 1,53m. Tại song kim loại cánh cửa bên trái phát hiện có 02 dấu vết gạch ném, bám dính tạp chất màu nâu đỏ. Cơ quan điều tra đã T giữ tại vị trí gần trụ cổng phía trong bên phải (theo hướng từ ngoài vào): 01 viên gạch chỉ nung kích thước (20 x 10 x 5)cm; 01 phần viên gạch kích thước dài 20 cm, chỗ rộng nhất 6 cm, chỗ hẹp nhất 4 cm, dày 5 cm, bám dính rêu mốc tối

màu; 01 phần viên gạch kích thước dài nhất 14 cm, rộng nhất 5 cm, dày 5 cm bám dính rêu mốc tối màu; 01 mẫu gạch vỡ kích thước (10 x 5 x 5)cm, vỡ nham nhở; 01 mẫu gạch vỡ kích thước (8 x 6 x 5)cm, vỡ nham nhở.

Lời khai của bị cáo phù hợp với kết luận điều tra xác định: Tại khu vực cổng nhà bị hại, sau khi du đẩy bị hại, bị cáo đã đứng cạnh các viên gạch ở cổng nhà bị hại, tay trái bị cáo hất mạnh các viên gạch ở trên viên gạch về phía bị hại làm gạch văng trúng vào người, vào tay bị hại gây tổn hại sức khỏe 13% cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng, không oan, sai.

[3] Xét việc kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã dùng gạch là hung khí nguy hiểm vô cớ xâm phạm và gây tổn hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang, bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung, cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã thực hiện bồi thường xong trách nhiệm dân sự, bị cáo đã bồi thường cho bị hại 16.600.000 đồng.

Ngoài ra kháng cáo của bị cáo và lời trình bày của người bào chữa cho rằng kết luận giám định chưa phù hợp, đề nghị giám định bổ sung. Tuy nhiên tại văn bản số 09 ngày 06/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã giải thích đầy đủ kết luận giám định là có căn cứ, không thể giám định bổ sung. Căn cứ thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 hướng dẫn “Ở mục V bàn tay và khớp cổ tay, ngón tay tỷ lệ thương tật được tính 6% -10%” nên kết luận giám định mức 8% là giới hạn cho phép không sai quy định.

Đối với kháng cáo của bị hại về việc đề nghị tăng hình phạt nhưng không có căn cứ chứng minh, xét thấy bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại một phần chi phí điều trị thương tích; Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động, nhờ gia đình bị cáo bồi thường tiếp cho người bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã xin lỗi gia đình người bị hại.

Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, bị cáo đã được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn T 02 (hai) 03 (ba) tháng tù năm tù là có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ nên chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn; không chấp nhận kháng cáo của người bị hại về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn T cần sửa bản án sơ thẩm. Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T, không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 99/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đặng Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Tòa hình sự, HC-TP.

Phạm Thị Thúy Mai